

Số: 37 /CV-VASEP
V/v góp ý Dự thảo Khung chính sách Luật
ATTP sửa đổi

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Bộ Y tế
Đồng kính gửi: Cục ATTP (Bộ Y tế)

Hiệp hội Chế biến và XK Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin trân trọng cảm ơn Quý Bộ đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Khung chính sách Luật ATTP sửa đổi (sau đây gọi tắt là Dự thảo) vào ngày 25/03/2026.

VASEP ủng hộ chủ trương sửa đổi, hoàn thiện Luật An toàn thực phẩm (ATTP) nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập trong quản lý, đặc biệt là sự chồng chéo về thẩm quyền, cũng như cập nhật các phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu dự thảo và tập hợp ý kiến của các doanh nghiệp (DN) Hội viên, chúng tôi nhận thấy một số nội dung trong các chính sách cần được cân nhắc kỹ lưỡng, cụ thể hóa và điều chỉnh để vừa đảm bảo mục tiêu quản lý Nhà nước, vừa tạo động lực phát triển cho DN, tránh tạo ra rào cản kỹ thuật không cần thiết trong thương mại. Dưới đây là ý kiến góp ý cụ thể của VASEP đối với từng nhóm chính sách trong Dự thảo:

I. ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH 1: HOÀN THIỆN BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ATTP THEO HƯỚNG THỐNG NHẤT CHỈ MỘT ĐẦU MỐI TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG

1. Đề xuất:

- Trước mắt, giữ ổn định mô hình phân công ba Bộ (Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương) như hiện nay (Giải pháp 1 trong Dự thảo), trong đó Bộ Y tế tiếp tục giữ vai trò cơ quan điều phối chung. Bổ sung cơ chế xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm cuối cùng tại các địa phương để khắc phục tình trạng chồng chéo và khoảng trống trong phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Ưu tiên tập trung nguồn lực xây dựng **Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về ATTP** do Bộ Y tế chủ trì, có sự tham gia đồng quản trị và liên thông dữ liệu của Bộ NN&MT, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính (Cục Hải quan) để liên thông, chia sẻ thông tin giữa các Bộ, Ngành và địa phương. Đây là điều kiện tiên quyết để triển khai hiệu quả quản lý theo rủi ro và hậu kiểm, đồng thời phù hợp với định hướng chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước.
- Áp dụng nguyên tắc "*khai một lần, sử dụng nhiều lần*" cho toàn bộ **Hệ thống dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia về ATTP**, tránh tình trạng DN phải cung cấp lặp lại cùng một thông tin nhiều lần khác nhau cho nhiều cơ quan khác nhau; đồng thời thiết lập cơ chế bảo mật dữ liệu trên hệ thống để đảm bảo bí mật cá nhân và bí mật kinh doanh cho người dân và DN.

2. Lý do:

- Kinh nghiệm thực tế từ các quốc gia có ngành sản xuất thực phẩm phát triển (như EU, Mỹ,...) cho thấy, mô hình quản lý ATTP có thể phân công theo lĩnh vực nhưng vẫn vận hành hiệu quả nhờ có sự kết nối dữ liệu và phối hợp liên ngành chặt chẽ, không nhất thiết phải gộp chung vào một cơ quan.
- Bên cạnh đó, đối với ngành thủy sản, việc quản lý theo chuỗi từ nuôi trồng, khai thác đến chế biến XK hiện do Bộ NN&MT đảm nhiệm và đã có hệ thống Cơ quan có thẩm quyền, danh sách DN được nhiều Cơ quan có thẩm quyền của các thị trường NK chính công nhận (ví dụ: EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga,...). Việc xáo trộn mô hình quản lý có thể làm gián đoạn quá trình công nhận và cập nhật thông tin với nước ngoài, gây khó khăn cho DN.
- Bất cập cốt lõi hiện nay không nằm ở mô hình tổ chức mà nằm ở thiếu cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan. Một hệ thống cơ sở dữ liệu về ATTP được số hóa và liên thông giữa các ngành, các cơ quan có thẩm quyền trong từng lĩnh vực sẽ giải quyết triệt để các bất cập này mà không làm phát sinh bộ máy mới, biên chế mới, không cần xáo trộn bộ máy, phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy của Đảng.

II. ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH 2: CHUYỂN VIỆC QUẢN LÝ ATTP TỪ "KIỂM SOÁT TỪNG KHÂU RIÊNG LẺ" SANG "QUẢN LÝ TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ THỰC PHẨM"

Trong Chính sách 2 cần làm rõ và bổ sung **03 nhóm nội dung** sau:

1. Bổ sung cơ sở pháp lý cho việc công nhận/ thừa nhận, áp dụng kết quả nghiên cứu, cơ sở khoa học, giới hạn kỹ thuật và thông số quản lý ATTP quốc tế:

a. Đề xuất:

Đề nghị trong Chính sách 2 bổ sung nguyên tắc: giao Chính phủ hoặc Bộ quản lý chuyên ngành quy định chi tiết cơ chế công nhận/ thừa nhận có điều kiện hoặc tham chiếu các kết quả nghiên cứu, cơ sở/ căn cứ khoa học, phương pháp đánh giá rủi ro, các giới hạn kỹ thuật, thông số quản lý ATTP của các quốc gia có hệ thống quản lý ATTP tiên tiến (như EU, Mỹ, Nhật Bản,...), trong đó bao gồm việc cho phép xây dựng, ban hành hoặc thừa nhận ngưỡng hiệu năng phân tích tối thiểu (MRPL) đối với các hóa chất, kháng sinh ở mức phát hiện rất thấp trong thực phẩm trên cơ sở khoa học và thực tiễn quản lý.

b. Lý do:

Luật ATTP 2010 hiện hành chưa có cơ chế này, dẫn đến thực trạng nghịch lý: sản phẩm thực phẩm đạt tiêu chuẩn XK sang các thị trường quốc tế nhưng không đạt yêu cầu của thị trường Việt Nam (ví dụ: sản phẩm thủy sản XK đáp ứng quy định về ngưỡng MRPL nghiêm ngặt của EU, Mỹ cho kháng sinh, hóa chất cấm nên được phép XK sang các thị trường này nhưng lại không được phép lưu thông tại thị trường nội địa do Việt Nam chưa có quy định về ngưỡng MRPL trong nước, gây thiệt hại cho DN và làm giảm hiệu quả chủ trương của Chính phủ thúc đẩy “Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt”).

Một trong những nguyên nhân gốc rễ là hệ thống pháp luật hiện hành chưa có cơ chế đầy đủ để ban hành hoặc công nhận các kết quả nghiên cứu, cơ sở khoa học, thông số quản

lý ATTP, giới hạn kỹ thuật phù hợp với khoa học và thực tiễn hội nhập. Việc bổ sung nguyên tắc này ngay từ khung chính sách của Luật ATTP sửa đổi là cần thiết để:

- Xóa bỏ khoảng trống pháp lý trong quản lý ATTP, giúp khắc phục nghịch lý “Hàng đủ điều kiện XK nhưng khó tiêu thụ trong nước”.
- Thúc đẩy sự hội nhập giữa thị trường nội địa với thị trường XK, đồng thời tận dụng được các kết quả nghiên cứu, đánh giá của các nước có uy tín trong công tác quản lý ATTP, nhất là các kết quả nghiên cứu, đánh giá, thông số quản lý ATTP mà Việt Nam chưa có đủ năng lực nghiên cứu, đánh giá như MRPL, MRL của các hóa chất, kháng sinh.
- Bảo đảm tính khoa học, hài hòa và thực tiễn của pháp luật Việt Nam và phù hợp với xu hướng và thông lệ quốc tế.

2. Giữ nguyên nguyên tắc tự công bố đối với đa số thực phẩm chế biến thông thường, chuyển mạnh sang hậu kiểm theo rủi ro:

a. **Đề xuất:** Đề nghị lựa chọn Giải pháp 2 trong Dự thảo nhưng cần xác lập rõ 04 nguyên tắc trong Chính sách 2:

- 1) Quản lý ATTP phải lấy hậu kiểm theo rủi ro làm trụ cột, thay vì mở rộng tiền kiểm.
- 2) Giữ nguyên cơ chế tự công bố sản phẩm đối với đa số thực phẩm chế biến thông thường, đặc biệt là sản phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn không thuộc nhóm nguy cơ cao;
- 3) Chỉ áp dụng hình thức đăng ký bản công bố sản phẩm với đối tượng hẹp là các sản phẩm có rủi ro cao hoặc sản phẩm có công bố khuyến cáo sức khỏe (*Health claims*) theo đúng thông lệ quốc tế.
- 4) Đơn giản hóa hồ sơ đăng ký theo hướng chỉ yêu cầu hồ sơ bao gồm tiêu chuẩn an toàn - chất lượng, phiếu kiểm nghiệm và mẫu nhãn, không yêu cầu DN phải nộp phương pháp kiểm nghiệm khi công bố nếu DN đã có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO 22000, FSSC 22000, BRC, IFS,...) nhưng DN phải sẵn sàng cung cấp phương pháp kiểm nghiệm cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

b. Lý do:

- Giải pháp 1 trong Dự thảo giữ nguyên mô hình hiện tại đang cho thấy nhiều bất cập, trong khi Giải pháp 3 đang khó khả thi như Ban Soạn thảo đã nêu tại cuộc họp ngày 25/3/2026. Giải pháp 2 được Bộ Y tế đề xuất lựa chọn còn nặng về tiền kiểm khi quy định quá nhiều nhóm sản phẩm phải thực hiện đăng ký Bản công bố áp dụng, đồng thời coi đây là biện pháp kiểm soát trong quản lý theo chuỗi. Điều này chưa phù hợp với chủ trương của Nhà nước là chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.
- Về bản chất, đối với đa số sản phẩm thực phẩm chế biến thông thường, đây chỉ là một thủ tục hành chính trước lưu hành, không đảm bảo được ATTP cho sản phẩm

trên thị trường và không thay thế được các công cụ cốt lõi của quản lý chuỗi cung ứng như kiểm soát điều kiện sản xuất, truy xuất nguồn gốc, lấy mẫu giám sát thị trường và hậu kiểm theo rủi ro, trong khi lại tạo thêm gánh nặng tiền kiểm cho DN. Luật ATTP cần hướng đến mục tiêu giảm tiền kiểm và coi hậu kiểm theo rủi ro là trụ cột của hệ thống.

- Rất nhiều DN hiện nay đang áp dụng các tiêu chuẩn quản lý ATTP tiên tiến như HACCP, ISO 22000, BRC, IFS, FSSC 22000 và chịu sự kiểm tra định kỳ từ các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cũng như nhiều thị trường NK. Vì vậy, cách tiếp cận phù hợp trong quản lý ATTP là hậu kiểm dựa trên phân loại theo rủi ro và lịch sử tuân thủ của DN, thay vì áp dụng cào bằng cho mọi đối tượng. Điều này cũng phù hợp với định hướng của Chính sách 4 trong dự thảo là áp dụng kiểm tra giảm đối với cơ sở đáp ứng các hệ thống quản lý tiên tiến.

3. **Bổ sung cơ chế chuyển mục đích sử dụng đối với thực phẩm NK**

- a. **Đề xuất:** Đề nghị bổ sung vào Chính sách 2 quy định cho phép chuyển mục đích sử dụng trong **02 trường hợp** sau:

- **Trường hợp 1:** từ NK thực phẩm để sản xuất XK (SXXK) hoặc gia công XK (GCXK) sang mục đích tiêu thụ nội địa, bao gồm: sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất/gia công thành sản phẩm tiêu thụ nội địa hoặc đưa trực tiếp ra thị trường tiêu thụ nội địa;
- **Trường hợp 2:** từ NK để tiêu dùng nội địa sang mục đích SXXK/GCXK.

Đồng thời, quy định rõ nguyên tắc: khi chuyển mục đích sử dụng, DN phải thực hiện đầy đủ thủ tục, điều kiện kiểm tra, nghĩa vụ thuế và chính sách quản lý tương ứng với mục đích mới.

b. Lý do:

- **Đáp ứng nhu cầu thực tiễn và quyền kinh doanh hợp pháp của DN:** Trong thực tế sản xuất kinh doanh, các DN thường xuyên phát sinh nhu cầu điều chỉnh mục đích sử dụng nguyên liệu, sản phẩm NK do biến động thị trường, đơn hàng, tồn kho hoặc thay đổi kế hoạch sản xuất. Việc chưa có hành lang pháp lý rõ ràng khiến DN lúng túng, không thể thực hiện được quyền kinh doanh hợp pháp của mình, dẫn đến lãng phí nguồn lực, ứ đọng hàng hóa và tăng chi phí lưu kho.
- **Khắc phục khoảng trống pháp lý trong quản lý Nhà nước:** Việc chưa có quy định cụ thể về chuyển mục đích sử dụng đối với thực phẩm NK đang tạo ra một **khoảng trống pháp lý** trong hệ thống quy định về ATTP. Việc bổ sung quy định này là cần thiết để hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ và bao quát trong công tác quản lý Nhà nước.
- **Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong khi không làm suy giảm mức độ kiểm soát ATTP:** Việc cho phép chuyển mục đích sử dụng không làm giảm hiệu lực quản lý Nhà nước về ATTP mà thực chất là tạo ra một hành lang pháp lý minh bạch, cần thiết cho thực tiễn. Khi DN có nhu cầu chuyển sang tiêu thụ nội địa, họ bắt buộc phải thực hiện đầy đủ quy trình khai báo và chịu sự kiểm tra ATTP theo đúng quy định hiện hành

áp dụng cho hàng tiêu thụ trong nước. Bằng cơ chế này, cơ quan quản lý Nhà nước hoàn toàn có đủ công cụ để kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo lô hàng chuyển đổi không gây mất ATTP và không tạo ra sự cạnh tranh thiếu công bằng với các lô hàng NK thương mại thông thường

- **Bảo đảm tính thống nhất với pháp luật hải quan và thông lệ quản lý hiện hành:** Hiện nay, pháp luật về hải quan đã có cơ chế cho phép DN được chuyển loại hình đối với hàng hóa NK. Cụ thể, căn cứ theo Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, hàng hóa là nguyên liệu, vật tư NK để GCXK, SXK hoàn toàn được phép chuyển mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa. Điều kiện đi kèm là DN phải khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế và tuân thủ đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất NK tại thời điểm chuyển đổi. Do đó, việc Luật ATTP (sửa đổi) luật hóa nội dung này sẽ tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, giúp DN tháo gỡ điểm nghẽn và thuận lợi trong khâu thực thi.

III. ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH 3: PHÒNG NGỪA VIỆC SỬ DỤNG SAI MỤC ĐÍCH CÁC CHẤT NGUY HẠI

- a. **Đề xuất:** Với Giải pháp 2 do Bộ Y tế đề xuất lựa chọn, Hiệp hội nhận thấy vẫn còn một số vấn đề cần được xem xét và điều chỉnh, cụ thể là:

- Cần rà soát và tích hợp nội dung kiểm soát các chất có nguy cơ cao vào cơ chế quản lý theo rủi ro hiện hành, tránh thiết kế thêm một lớp quản lý riêng trùng lặp với các quy định hiện có tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Chỉ áp dụng đối với danh mục hẹp, thật sự có nguy cơ cao. Danh mục này phải được xây dựng theo tiêu chí khoa học, rõ ràng, công khai, và cập nhật theo thực tiễn, tránh ban hành danh mục quá rộng, dàn trải. Các nguyên liệu, phụ gia có nguy cơ cao trong danh mục phải kiểm soát chặt cần được quản lý bằng nguyên tắc truy xuất nguồn gốc và hậu kiểm theo rủi ro, tránh tạo thêm lớp thủ tục hành chính trùng lặp.
- Thiết kế các yêu cầu quản lý theo hướng ưu tiên số hóa, tránh thiết kế cơ chế khai báo, lưu trữ phức tạp, quá nặng tính hành chính.
- Xác định hậu kiểm theo rủi ro là nguyên tắc chủ đạo. Tăng cường liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý để kiểm soát hiệu quả mà không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính cho DN.

b. Lý do:

Bộ Y tế hiện lựa chọn Giải pháp 2 cho Chính sách 3 với nhiều biện pháp kiểm soát từ NK, sản xuất, lưu thông đến khai báo, lưu trữ thông tin, công bố hàm lượng sử dụng, tỷ lệ hư hao... Tuy nhiên, nếu quy định quá rộng hoặc quá cứng, chính sách có thể dẫn đến trùng lặp nghĩa vụ, tăng thời gian và chi phí tuân thủ cho DN, trong khi hiệu quả kiểm soát chưa chắc tương xứng. Do đó, cần giới hạn trọng tâm vào nhóm sản phẩm có nguy cơ cao, có dấu hiệu bị lạm dụng trên thực tế và cần tăng cường hậu kiểm theo rủi ro.

Việc bổ sung thêm một lớp quản lý riêng với các yêu cầu khai báo, lưu trữ phức tạp sẽ làm tăng đáng kể chi phí tuân thủ và gánh nặng hành chính cho DN mà không mang lại hiệu quả kiểm soát tốt hơn.

4. Đối với Chính sách 4: Ưu đãi đầu tư, tạo môi trường kinh doanh minh bạch

a. Đề xuất:

- Mở rộng phạm vi ưu đãi, đặc biệt về thủ tục hành chính và tần suất kiểm tra, cho các DN có lịch sử tuân thủ tốt và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO 22000, FSSC 22000 hoặc tương đương), thay vì chỉ tập trung vào DN có quy mô vốn đầu tư lớn.
- Các ưu đãi cần được quy định rõ ràng, minh bạch về tiêu chí, điều kiện và thời gian áp dụng, tránh tình trạng "xin - cho" trong quá trình thực hiện và tạo sự ổn định cho DN trong hoạch định sản xuất, kinh doanh.
- Bổ sung các ưu đãi về xúc tiến thương mại, hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm thực phẩm Việt Nam tại thị trường quốc tế, đặc biệt là hỗ trợ DN đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường NK.

b. Lý do:

Các DN đã đầu tư bài bản, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và có tỷ lệ tuân thủ cao là nhóm DN cần được khuyến khích và ưu đãi để tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc quy định ưu đãi dựa trên vốn đầu tư có thể bỏ sót nhiều DN vừa và nhỏ nhưng có năng lực quản lý và chất lượng sản phẩm tốt.

Hiệp hội VASEP đề nghị Quý Bộ, Quý Cục và Ban Soạn thảo quan tâm, cân nhắc kỹ lưỡng các đề xuất, góp ý và kiến nghị từ cộng đồng DN để điều chỉnh, hoàn thiện Khung chính sách của Luật ATTP sửa đổi, hướng đến mục tiêu vừa đảm bảo ATTP cho người dân, vừa hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN, vừa cải cách hơn nữa môi trường kinh doanh theo hướng hướng minh bạch, hiệu quả, giảm thủ tục hành chính giúp ngành thực phẩm Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN&MT;
- Hội đồng Tư vấn CCTTHC;
- VCCI;
- BCH & BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THỦ KÝ**



Nguyễn Hoài Nam